

VIỆT NAM CUỐI THỜI NGUYÊN THỦY
(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp cho HS :

– Hiểu được vào cuối thời nguyên thủy, các bộ lạc sống định cư trên đất nước ta đã bước vào thời luyện kim và nghề nông trồng lúa nước. Trên cơ sở đó đã tạo nên những chuyển biến lớn lao có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội. Phần lớn các bộ lạc bước vào giai đoạn nông nghiệp trồng lúa dùng cuốc đá, dân số gia tăng, mở rộng địa bàn cư trú xuống vùng đồng bằng, ven biển và mở rộng sự trao đổi sản phẩm giữa các bộ lạc. Đời sống con người được nâng cao hơn...

– Biết được những nền văn hoá lớn cuối thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. Những điểm giống và khác nhau của cư dân Phùng Nguyên, Hoa Lộc với cư dân Sa Huỳnh, cư dân Đông Nai về các mặt như : hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, đời sống vật chất và tinh thần.

2. Về tư tưởng, tình cảm

– Giáo dục, bồi dưỡng tinh thần lao động sáng tạo cho HS.

3. Về kĩ năng

– Rèn luyện, bồi dưỡng phương pháp so sánh trong quá trình học tập để rút ra nhận xét.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Bài này có hai nội dung chính HS cần nắm được :

– Thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước đã được ra đời như thế nào ở nước ta. Sự ra đời đó có ý nghĩa, tầm quan trọng ra sao đối với sự chuyển biến trong đời sống kinh tế – xã hội nước ta thời đó.

Về sự ra đời của thuật luyện kim, GV làm cho HS hiểu được nó bắt đầu từ trong quá trình làm gốm, nung gốm (biết làm khuôn đúc, sử dụng nhiệt độ cao để nấu chảy đồng). Vào cuối thời nguyên thủy, kĩ thuật làm gốm rất phát triển đã tạo điều kiện để con người biết đến thuật luyện kim. Sự ra đời của nghề nông trồng lúa nước bắt nguồn từ trồng trọt, từ nền nông nghiệp sơ khai dùng cuốc đá trước đó gắn liền với sự phát triển cao của kĩ thuật chế tác đá, mở rộng vùng cư trú xuống đồng bằng, ven biển. Vào cuối thời nguyên thủy, các bộ lạc sống trên đất nước ta có những chuyển biến quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội, đều đã biết đến thuật luyện kim, làm nông nghiệp trồng lúa nước, hình thành những nền văn hoá lớn. HS cần nắm được những nét cơ bản về cuộc sống, về tổ chức xã hội, văn hoá của cư dân là chủ nhân của những nền văn hoá đó như thế nào. Từ đó, thấy được những chuyển biến này là cơ sở tiền đề cho sự giải thể của công xã thị tộc, dẫn đến việc hình thành các nhà nước và các quốc gia cổ đại trên đất nước ta sau đó.

Về ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước với sự chuyển biến xã hội bấy giờ, GV có thể giải thích để HS hiểu rằng lúa gạo là nguồn lương thực chính của cư dân Việt cổ. Thuật luyện kim phát triển sẽ đưa đến sự ra đời của nhiều loại công cụ bằng kim loại sau này, tạo thuận lợi cho khai hoang, thành lập xóm làng, mở rộng địa bàn cư trú và diện tích sản xuất. Năng suất lao động tăng hơn. Con người cũng chủ động hơn trong công việc trồng trọt, tích lũy lương thực, định cư lâu dài, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Trên cơ sở đó đã diễn ra phân hoá xã hội cùng với sự ra đời của công xã nông thôn thay thế dần công xã thị tộc, đưa đến bước ngoặt lịch sử – sự ra đời của nhà nước.

2. Về phương pháp

GV nên sử dụng phương pháp miêu tả, đàm thoại, phân tích làm cho bài giảng sinh động, lôi cuốn sự chú ý của HS.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

– Bản đồ có đánh dấu những địa danh, khu vực có các di tích, các nền văn hoá lớn ở Việt Nam.

– Tranh, ảnh về một số công cụ sản xuất, đồ dùng trong gia đình, đồ trang sức (như trong SGK). GV có thể sưu tầm thêm ở sách *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1991.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

Để mở bài, GV có thể tham khảo phần giới thiệu bài mới ở bài 22 của SGK rồi bổ sung : ... Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung nói trên.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước

GV giảng nội dung mục này như trong SGK. Tuy nhiên, khi giảng, GV cần làm cho HS hiểu được về thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước đã ra đời như thế nào và ý nghĩa của sự ra đời đó. Phân tích như vậy, GV sẽ giúp cho HS nắm chắc hơn nội dung mục 1 trong SGK.

Sau khi giảng mục này, GV sử dụng câu hỏi trong SGK và hướng dẫn HS trả lời được rằng việc tìm thấy các hiện vật bằng đồng là các cục đồng, xỉ đồng đã chứng minh thuật luyện kim được thực hiện ngay trên đất nước ta. Các hiện vật bằng đồng thời bấy giờ tìm thấy ở các di tích được chế tạo ở nước ta chứ không phải đưa từ nước ngoài vào.

Kết thúc mục này, GV cần nhấn mạnh :

Cách ngày nay khoảng 4000 năm, các bộ lạc sống trên đất nước ta đã bước vào giai đoạn luyện kim và làm nông nghiệp trồng lúa. Trên cơ sở đó, đã hình thành những nền văn hoá lớn vào cuối thời nguyên thuỷ.

Mục 2. Những nền văn hoá lớn cuối thời nguyên thuỷ

GV trình bày như trong SGK. Tuy nhiên, khi giảng, GV cần kết hợp sử dụng phương pháp tường thuật với phương pháp so sánh và phát vấn để giúp HS nắm chắc được rằng so với cư dân thời hậu kì đá mới (Hạ Long, Cái Bèo, Quỳnh Văn, Đa Bút,...), cư dân Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Sóng Lam, Sa Huỳnh, Đồng Nai ... có bước phát triển cao hơn và có sự chuyển biến lớn lao về kinh tế – xã hội. Đồng thời, khi giảng từng nền văn hoá của các khu vực khác nhau, GV tránh đi sâu vào lịch sử văn hoá, mà chỉ cần cho HS thấy được những điểm chung, giống nhau (đều bước vào sơ kì đồng thau,...) và khác nhau của cư dân Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Sa Huỳnh, Đồng Nai, Óc Eo lúc bấy giờ. Cũng cần làm cho HS thấy được vào cuối thời nguyên thuỷ, trên đất nước ta đã hình thành những nền văn hoá lớn : Văn hoá Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đồng Nai (văn hoá đồ đồng đến sơ kì sắt).

- Văn hoá Đông Sơn ở miền Bắc được hình thành từ văn hoá Phùng Nguyên.
- Văn hoá Sa Huỳnh ở miền Trung được hình thành từ văn hoá Bình Châu.
- Văn hoá sông Đồng Nai, Óc Eo ở miền Nam được hình thành từ văn hoá Dốc Chùa, Cần Giờ.

Sơ kết mục này, GV nêu lên những điểm chung, riêng của các cư dân – chủ nhân của các nền văn hoá lớn trên đất nước ta vào đầu thiên niên kỉ II TCN.

GV cần lưu ý, khi giảng hai mục trên, nên sử dụng phương pháp miêu tả là chính, có kết hợp với đàm thoại và phân tích bảng thống kê dưới đây :

Khu vực	Văn hoá đồ đồng	Văn hoá sơ kì sắt
Miền Bắc	Văn hoá Phùng Nguyên	Văn hoá Đông Sơn
Miền Trung	Văn hoá Bình Châu	Văn hoá Sa Huỳnh
Miền Nam	Văn hoá Dốc Chùa	Văn hoá Cần Giờ (văn hoá sông Đồng Nai)

3. Sơ kết bài

Kết thúc bài học, GV nhấn mạnh :

Khoảng 4000 năm cách ngày nay, các bộ lạc sống trên đất nước ta như Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Sa Huỳnh, Đồng Nai,... đã bước vào thời đại kim khí, tiến hành phổ biến nông nghiệp trồng lúa nước, là tiền đề đưa đến sự chuyển biến lớn lao của xã hội : công xã thị tộc giải thể và nhà nước ra đời.

Với các câu hỏi ở cuối bài, nếu còn thời gian, GV hướng dẫn HS trả lời :

– Câu hỏi 1. GV hướng dẫn HS liên hệ với mục 1 của bài để trả lời.

– Câu hỏi 2. (Ý nghĩa của sự ra đời thuật luyện kim đối với các bộ lạc sống trên đất nước ta), GV xem lại mục II – "Những điều cần lưu ý" của bài này để hướng dẫn HS trả lời đúng.

– Câu hỏi 3, GV hướng dẫn HS lập bảng và dựa vào nội dung mục 2 để điền vào bảng thống kê sau :

STT	Bộ lạc	Địa bàn cư trú	Công cụ lao động	Hoạt động kinh tế
1	Phùng Nguyên			
2	Sa Huỳnh			
3	Đồng Nai			

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

"Cùng với các bộ lạc Phùng Nguyên còn có những bộ lạc khác ở nhiều khu vực khác nhau trên đất nước ta đã tiến vào thời đại đồ đồng.

Các bộ lạc chủ nhân của nền văn hoá Hoa Lộc sống trên vùng bờ biển các huyện Hậu Lộc và Nga Sơn (Thanh Hoá). Bên cạnh các hoạt động đánh cá, săn bắn, họ thực sự là cư dân của một nền nông nghiệp dùng cuốc phát triển. Họ là những người không chỉ có kĩ thuật chế tác đá phát triển cao, mà còn có nghệ thuật làm gốm độc đáo cả về kiểu dáng và hoa văn trang trí. Đặc biệt, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy một số hiện vật bằng đồng như dùi đồng, dây đồng trong các di chỉ này. Đây chính là cơ sở để xác nhận chủ nhân của nền văn hoá Hoa Lộc đã biết đến kim khí... Tại đây, phong cách trang trí hoa văn trên mặt thành miệng gốm cũng như thủ pháp trang trí hoa văn trên gốm có nhiều nét gần gũi với gốm Phùng Nguyên. Các di chỉ này đều được nhiều nhà khảo cổ học xếp tương đương với văn hoá Phùng Nguyên ở lưu vực sông Hồng...

Tại Khánh Hoà và các khu vực thuộc duyên hải Nam Trung Bộ, người ta đã phát hiện nhiều di tích văn hoá được xếp vào giai đoạn hậu kì đá mới – sơ kì đồng thau...

Thuộc vùng lưu vực sông Đồng Nai, các nhà khảo cổ học đã phát hiện thêm nhiều di chỉ : Bến Đò, Phước Tân, Ngãi Thắng... Các bộ lạc nông nghiệp ở lưu vực sông Đồng Nai đã biết sử dụng những chiếc cuốc đá mài nhẵn, kích thước

lớn để làm đất. Gốm Đồng Nai phong phú về kiểu loại và hoa văn, trong đó có những đồ án hoa văn trang trí gần giống với gốm Phùng Nguyên. Tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và một số đảo thuộc vùng biển phía nam và tây nam, đã phát hiện thêm nhiều di tích quan trọng có thể xếp vào khung niên đại sơ kì thời đại đồng thau. Như vậy, không chỉ có bộ lạc Phùng Nguyên mà trên khắp đất nước ta, đặc biệt là các vùng đồng bằng ven biển Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ cách ngày nay khoảng 4000 năm, trên cơ sở trình độ phát triển cao của kĩ thuật chế tác đá, người nguyên thủy đã bắt đầu biết đến hợp kim đồng thau... Sự xuất hiện của hợp kim đồng thau được coi là sự kiện trọng đại nhất trong đời sống xã hội nguyên thủy, là cơ sở cho bước phát triển nhảy vọt của các bộ lạc nguyên thủy trên đất Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo”.

(Theo Tiến trình lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 17 – 18).